

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2026/DS-PT

Ngày 09-3-2026

V/v tranh chấp hợp đồng
xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Đức Chính

Các Thẩm phán:

Ông Chu Long Kiêm

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2025/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc Tranh chấp hợp đồng xây dựng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân (TAND) khu vực 1 - Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 90/2025/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 17/2026/QĐ-PT ngày 23-01-2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 34/2026/QĐ-PT ngày 09-02-2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần xây dựng và thương mại D; địa chỉ: Số **, đường H, khối K, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh H, sinh năm 1972 - Giám đốc; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1965; Căn cước công dân số 0330650132**, do Bộ Công an cấp ngày 17/3/2025; địa chỉ: Khu Đ, xã C, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản ủy quyền số 02/QĐCT, ngày 06/02/2026); có mặt.

- Bị đơn: Cục thuế tỉnh L (nay là Thuế tỉnh L); địa chỉ: Số 5*A, khối 2*, phường K, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Đ - Trưởng Thuế tỉnh L; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền số 48/QĐ-LSO, ngày 06/02/2026)

1. Ông Trần Mạnh H, sinh năm 1972 - Chánh văn phòng Thuế tỉnh L; có mặt.

2. Ông Lã Xuân M, sinh năm 1983 - Công chức văn phòng Thuế tỉnh L; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH một thành viên Thái S.ĐL; địa chỉ: khối K, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Đ - Giám đốc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1965; Căn cước công dân số 0330650132**, do Bộ Công an cấp ngày 17/3/2025; địa chỉ: Khu Đ, xã C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Thuế tỉnh L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn là Công ty cổ phần xây dựng và thương mại D (viết tắt Công ty D) trình bày: Ngày 20-12-2021, Công ty D và Cục thuế tỉnh L (nay là Thuế tỉnh L) ký kết hợp đồng xây dựng số 06/2021/-HĐ-TCXD với nội dung ký kết thi công xây dựng công trình Chi cục thuế huyện C và các mục phụ trợ; hợp đồng ký kết có giá trị là 20.852.994.000 đồng.

Sau khi kết hợp đồng các bên đã thỏa thuận trong thời hạn 05 ngày bên nhà thầu phải nộp cho chủ đầu tư giấy bảo lãnh hợp đồng, giấy bảo lãnh tiền tạm ứng đây là các giấy tờ bắt buộc để thực hiện một hợp đồng cụ thể. Đến ngày 31-12-2021 nhà thầu nộp cho chủ đầu tư chứng thư bảo lãnh tiền tạm ứng là 8.758.257.000 đồng của Ngân hàng SHB, Chi nhánh L, sau khi chủ đầu tư nhận được chứng thư bên chủ đầu tư đã xuất tiền tạm ứng cho bên nhà thầu.

Tuy nhiên, ngày 27-4-2022 thì hết hạn chứng thư bảo lãnh lần 1 nên nhà thầu đã tiếp tục gia hạn nộp chứng thư lần 2, ngày 23-6-2022 nhà thầu tiếp tục gia hạn nộp chứng thư lần 3. Mỗi lần gia hạn đều mất phí với Ngân hàng, phí thực hiện bảo lãnh hợp đồng lần 1 mất phí 14.700.000 đồng, lần 2 mất phí 5.400.000 đồng; phí bảo lãnh tiền tạm ứng hợp đồng lần 1 là 61.500.000 đồng, lần 2 là 43.791.285 đồng, lần 3 là 65.686.928 đồng. Các loại phí gia hạn trên nhà thầu đã nộp cho ngân hàng và có chứng thư xác nhận đi kèm.

Sau khi nộp các loại phí gia hạn bên nhà thầu đã tiếp tục đi ký kết các hợp đồng với các bên cung cấp vật liệu xây dựng để phục vụ cho các việc thi công công trình xây dựng cụ thể: Ngày 11-01-2022, ký kết hợp đồng cung cấp vật liệu

xây dựng với Công ty TNHH MTX Xây dựng vận tải Vạn T 368; Ngày 15-3-2022, ký kết hợp đồng cung cấp vật liệu xây dựng với Cửa hàng vật liệu xây dựng Thơ D; Ngày 25-5-2022, ký kết hợp đồng mua bán vật liệu với Công ty cổ phần Thái D; Ngày 12-3-2022, ký kết hợp đồng về việc sản xuất và thi công ép cọc bê tông cốt thép với Công ty cổ phần thương mại và phát triển móng Hồ B.

Ngày 10-8-2022, bên nhà thầu nhận văn bản của Cục thuế tỉnh L về việc yêu cầu Liên doanh Công ty trả lại số tiền tạm ứng hợp đồng là 8.758.257.000 đồng đơn phương chấm dứt hợp đồng với lý do liên quan đến việc sáp nhập địa giới hành chính sau khi sáp nhập không còn Chi cục thuế huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên hợp đồng không thể tiếp tục thực hiện. Đến ngày 10-3-2023, hai bên đã làm việc và lập biên bản về việc chấp dứt hợp đồng 06/2021/HĐ-TCXD ngày 20-12-2021 và biên bản thỏa thuận bồi thường, trong buổi làm việc hai bên đã thỏa thuận thống nhất chấm dứt hợp đồng, còn đối với các khoản bồi thường thì cả hai bên đều chưa thống nhất được, tại buổi làm việc nhà thầu yêu cầu thanh toán 778.198.213 đồng. Tuy nhiên, bên chủ đầu tư không chấp nhận thanh toán bất cứ một khoản tiền nào với lý do đang thực hiện theo Quyết định của nhà nước.

Do không thống nhất được yêu cầu về bồi thường, nguyên đơn khởi kiện Thuế tỉnh L hoàn trả, bồi thường các khoản chi phí sau:

1. Số tiền 778.198.213 đồng là chi phí thực tế đã bỏ ra để phục vụ thực hiện hợp đồng gồm các khoản cụ thể:

- Phí chứng thực hồ sơ dự thầu 380.000 đồng, phí thu xếp tín dụng 1.000.000 đồng, phí bảo lãnh dự thầu 3.900.000 đồng, phí chứng thực hồ sơ dự thầu 820.000 đồng, mua USB dự thầu 480.000 đồng, phôi tô Hồ sơ dự thầu 2.500.000 đồng, mua hồ sơ dự thầu 2.000.000 đồng;

- Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng 14.700.000 đồng, phí phát lại thư bảo lãnh hợp đồng 5.400.000 đồng, phí bảo lãnh tiền tạm ứng hợp đồng 61.500.000 đồng, phí gia hạn tiền bảo lãnh tạm ứng lần 2 là 43.791.000 đồng, phí gia hạn tiền bảo lãnh tạm ứng lần 3 là 65.686.920 đồng. Tổng số tiền là 191.077.920 đồng.

- Khoản chi lương (24 tháng) cho 01 giám đốc, 01 kế toán, 01 kỹ thuật. Tổng số tiền chi lương là 576.000.000 đồng.

2. Chi phí lợi ích mà lẽ ra nhà thầu được hưởng của hợp đồng mang lại theo quy định của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31-8-2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng là 5,5% dựa trên tổng giá trị hợp đồng 20.852.994.000 đồng là 1.146.941.670 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu bồi thường, hoàn trả là: 1.925.139.883 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Công ty D rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lương chi trả cho 01 giám đốc, 01 kế toán, 01 kỹ thuật từ số tiền yêu cầu là 576.000.000 đồng (24 tháng) xuống còn 372.765.000 đồng (15 tháng). Cụ thể lương 01 giám đốc là 163.575.000 đồng, lương 01 kế toán 114.705.000 đồng, lương 01 kỹ thuật là 94.485.000 đồng, còn các khoản khác giữ nguyên yêu cầu. Tổng số tiền Công ty yêu cầu Thuế tỉnh L bồi thường, hoàn trả là: 1.721.563.590

đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bên nguyên đơn Công ty TNHH MTV Thái S.ĐL (Nhà thầu), người đại diện theo ủy quyền trình bày: Nhất trí với ý kiến trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện, rút một phần số tiền yêu cầu bồi thường về khoản lương của nguyên đơn.

Bị đơn Thuế tỉnh L trình bày: Ngày 20-12-2021 Công ty có ký kết hợp đồng xây dựng số 06/2021/HĐ-TCXD với Cục thuế tỉnh L. Hợp đồng ký kết có giá trị là 20.852.994.000 đồng. Sau khi hợp đồng có hiệu lực, chỉ có hiệu lực trên giấy tờ, thực tế chưa có mặt bằng khởi công xây dựng.

Trong quá trình triển khai dự án hai bên đã cùng nhau tích cực phối hợp để khởi công xây dựng. Tuy nhiên, đến ngày 06-7-2022 Tỉnh ủy Lạng Sơn ban hành Nghị quyết số 81-NQ/TU, Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính mở rộng thành phố L. Với chủ trương điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính mở rộng thành phố L theo phương án sáp nhập nguyên trạng huyện C vào thành phố L thì tỉnh Lạng Sơn sẽ không còn địa giới hành chính huyện C. Điều đó, cũng đồng nghĩa với việc Cục thuế tỉnh L sẽ không còn Chi cục thuế huyện C như hiện nay, tại thời điểm này dự án chưa triển khai khởi công.

Ngày 08-8-2022, Cục thuế tỉnh L và Công ty có mặt của đại diện Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) chi nhánh L tổ chức làm việc và lập biên bản làm việc nội dung thông báo cho nhà thầu và Ngân hàng về việc điều chỉnh địa giới, đơn vị hành chính mở rộng thành phố L và phối hợp thu hồi tiền tạm ứng để trả ngân sách nhà nước. Sau buổi làm việc, ngày 10-8-2022 Cục Thuế ra Công văn số 1145/CT-VP gửi Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB), chi nhánh L; Công văn số 1146/CT-VP gửi Công ty D về việc thu hồi tạm ứng hợp đồng công trình dự án trụ sở làm việc Chi cục thuế huyện C.

Ngày 24-02-2023, Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 534/TCT-TVQT về việc xử lý nguồn vốn tạm ứng đã thu hồi và quyết toán dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Chi cục thuế huyện C, nội dung là dừng thực hiện dự án. Ngày 10-3-2023 họp giữa Cục thuế tỉnh L với đại diện Liên danh Công ty với nội dung thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng xây dựng số 06/2021/HĐ-TCXD, ngày 20-12-2021.

Ngày 24-3-2023, Cục thuế tỉnh L ban hành Công văn số 373/CT-VP gửi Liên danh Công ty về việc lập hồ sơ quyết toán hợp đồng xây dựng nhưng không nhận được phản hồi từ phía Liên danh. Sau đó, Cục thuế tỉnh L đã tiến hành các thủ tục để quyết toán dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11-11-2021. Đến thời điểm hiện tại dự án đã được phê duyệt quyết toán, đóng mã dự án.

Việc Tổng cục Thuế quyết định dừng dự án vĩnh viễn là do bất khả kháng. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai dự án, sau khi ký hợp đồng Nhà thầu trúng thầu cũng đã tích cực phối hợp cùng chủ đầu tư (Cục Thuế) thực hiện các công

việc giải phóng mặt bằng, chuẩn bị các điều kiện để có thể khởi công ngay sau khi Ủy ban nhân dân huyện C bàn giao mặt bằng sạch.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng số 06, Chủ đầu tư hoàn toàn không có vi phạm gì đối với Nhà thầu. Việc dừng dự án là do nguyên nhân khách quan và do cấp có thẩm quyền quyết định không phải do Chủ đầu tư cố tình không thực hiện Hợp đồng số 06. Mặt khác, công trình chưa triển khai thi công nên không thể căn cứ vào Thông tư số 11/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng để tính khoản lợi tức DN được hưởng (tỷ lệ 5,5% chỉ để làm căn cứ lập dự toán, xác định giá gói thầu).

Ngoài ra, Theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP thì tạm ứng hợp đồng xây dựng là khoản kinh phí mà Chủ đầu tư ứng trước không lãi suất cho bên nhà thầu. Đồng thời theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP thì Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng. Như vậy, trong thời hạn Bảo lãnh hợp đồng có hiệu lực thì Nhà thầu được nắm giữ, sở hữu số tiền 8.758.257.000 đồng mà không phải chịu lãi. Việc quyết định gia hạn bảo lãnh do nhà thầu quyết định, không phải Chủ đầu tư yêu cầu nên trách nhiệm thuộc về Nhà thầu. Trong thời gian này Nhà thầu được hưởng lợi từ lãi suất của Ngân hàng hoặc quyền lợi khác do Nhà thầu quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật và Ngân hàng, nên số tiền lãi phát sinh từ số tiền 8.758.257.000 đồng là 32.756.164 đồng mà phía nhà thầu được hưởng, Thuế tỉnh không có ý kiến gì.

Thuế tỉnh L không nhất trí bồi thường các khoản mà Công ty cổ phần xây dựng và thương mại D đưa ra.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Lạng Sơn xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần xây dựng và thương mại D.

2. Xác định Hợp đồng xây dựng số 06/2021-HĐ-TCXD ký ngày 20-12-2021 giữa Cục thuế tỉnh L và Liên Danh Công ty cổ phần xây dựng và thương mại D và Công ty TNHH MTV Thái S.ĐL chấm dứt do nguyên nhân khách quan các bên không có lỗi dẫn đến việc hợp đồng không tiếp tục thực hiện.

3. Buộc Cục thuế tỉnh L phải thanh toán cho Công ty cổ phần xây dựng và thương mại D bao gồm: Chi phí thực hiện bảo lãnh hợp đồng lần 1 mất phí 14.700.000 đồng, lần 2 mất phí 5.000.000 đồng; phí bảo lãnh tiền tạm ứng hợp đồng lần 1 là 61.500.000 đồng, lần 2 là 43.791.285 đồng, lần 3 là 65.686.928 đồng và khoản chi lương 01 giám đốc là 163.575.000 đồng, lương 01 kế toán 114.705.000 đồng, lương 01 kỹ thuật là 94.485.000 đồng. Tổng số tiền bị đơn phải thanh toán là 563.843.213 đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần xây dựng và thương mại D về việc buộc Cục thuế tỉnh L phải thanh toán các khoản phí chứng thực hồ sơ dự thầu 380.000 đồng, phí thu xếp tín dụng 1.000.000 đồng, phí bảo lãnh dự thầu 3.900.000 đồng, phí chứng thực hồ sơ dự thầu 820.000 đồng, mua USB dự thầu

480.000, phô tô Hồ sơ dự thầu 2.500.000, mua hồ sơ dự thầu 2.000.000 đồng và yêu cầu buộc Cục thuế tỉnh L phải trả chi phí lợi ích mà lẽ ra nhà thầu được hưởng của hợp đồng mang lại là 5,5% dựa trên tổng giá trị hợp đồng 20.852.994.000 đồng là 1.146.941.670 đồng. Tổng số tiền là 1.158.021.670 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền thỏa thuận thi hành án, nghĩa vụ chậm trả, về án phí dân sự, quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, bị đơn Thuế tỉnh L kháng cáo yêu cầu xem xét lại số tiền Quyết định theo Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lạng Sơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại nội dung văn bản ủy quyền của bị đơn tại cấp sơ thẩm và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên phần bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, ý kiến về việc ủy quyền và bị đơn cho rằng hợp đồng chấm dứt do nguyên nhân khách quan, các bên không có lỗi nên không phát sinh trách nhiệm bồi thường; các khoản chi phí mà nguyên đơn yêu cầu thanh toán, đặc biệt là chi phí tiền lương và chi phí phát sinh khác, không phải là nghĩa vụ của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Kháng cáo của bị đơn được thực hiện trong thời hạn luật định, hợp lệ. Về nội dung, hợp đồng giữa các bên chấm dứt do nguyên nhân khách quan nên không phát sinh lỗi tuy nhiên, nguyên đơn đã thực hiện một số công việc và phát sinh chi phí thực tế, hợp lý trước khi hợp đồng chấm dứt, nên bị đơn có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí này. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm còn có một số thiếu sót về tố tụng, hình thức và sai sót, nhầm lẫn trong việc tính toán số tiền, cần được sửa, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn nhưng sửa bản án sơ thẩm theo quy định pháp luật. Về án phí dân sự phúc thẩm do sửa Bản án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Tại phiên tòa vắng mặt một số người tham gia tố tụng nhưng đã có người được ủy quyền có mặt. Việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết

vụ án. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa.

[2] Về thủ tục ủy quyền: Tại cấp sơ thẩm, văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của bị đơn không có nội dung cho phép ủy quyền lại nhưng người được ủy quyền vẫn thực hiện ủy quyền tiếp cho người thứ ba tham gia tố tụng là chưa phù hợp tuy nhiên tại cấp phúc thẩm người được bị đơn ủy quyền nhất trí với các nội dung của cấp sơ thẩm và đã thực hiện quyền của mình (quyền kháng cáo) không xâm phạm quyền lợi, cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Thuế tỉnh L, Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng xây dựng số 06/2021-HĐ-TCXD ký ngày 20-12-2021 xây dựng trụ sở Chi cục thuế huyện C, tỉnh Lạng Sơn giữa Cục thuế tỉnh L và Liên Danh Công ty cổ phần xây dựng và thương mại D và Công ty TNHH MTV Thái S.ĐL được ký kết hợp pháp, đáp ứng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật xây dựng năm 2014. Sau khi hợp đồng được ký kết do việc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính mở rộng thành phố L theo hướng sáp nhập toàn bộ địa giới hành chính của huyện C vào thành phố L. Như vậy, với chủ trương điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính mở rộng thành phố L theo phương án sáp nhập nguyên trạng huyện C vào thành phố L thì tỉnh Lạng Sơn sẽ không còn địa giới hành chính huyện C. Điều đó, cũng đồng nghĩa với việc Cục thuế tỉnh L sẽ không còn Chi cục thuế huyện C nên hợp đồng không thể tiếp tục thực hiện, đây là sự kiện khách quan dẫn đến hợp đồng chấm dứt theo quy định tại Điều 422 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, trước thời điểm hợp đồng chấm dứt Công ty D đã thực hiện một số công việc và phát sinh chi phí thực tế có hóa đơn, chứng từ chứng minh. Theo quy định tại mục 20.5 và mục 20.7 của hợp đồng thì trường hợp này hợp đồng ghi rõ chủ đầu tư không được miễn trừ trách nhiệm bồi thường nào trong trường hợp chấm dứt hợp đồng vì yếu tố bất khả kháng.

[4] Theo quy định tại Điều 422 và Điều 427 của Bộ luật Dân sự năm 2015 khi hợp đồng chấm dứt, các bên có nghĩa vụ hoàn trả cho nhau những gì đã nhận (*bên Công ty D trả lại số tiền tạm ứng hợp đồng là 8.758.257.000 đồng cho bên Cục thuế tỉnh L, thì bên Cục thuế tỉnh L cũng phải thanh toán trả lại số tiền bên Công ty đã bỏ ra*). Do đó, theo quy định tại mục 20.5 và mục 20.7 của hợp đồng xây dựng số 06/2021/-HĐ-TCXD thì Thuế tỉnh L phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty phần chi phí hợp lý mà Công ty đã thực hiện trước khi Hợp đồng chấm dứt, chi phí tính từ ngày ký kết hợp đồng 20/12/2021 cho đến khi kết thúc ngày 24/3/2023, bao gồm các khoản chi phí nhà thầu thực tế bỏ ra gồm: Chi phí thực hiện bảo lãnh hợp đồng lần 1 mất phí 14.700.000 đồng, lần 2 mất phí 5.400.000 đồng; phí bảo lãnh tiền tạm ứng hợp đồng lần 1 là 61.500.000 đồng, lần 2 là 43.791.285 đồng, lần 3 là 65.686.928 đồng. Tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 191.078.213 đồng là có cơ sở đề chấp nhận.

[5] Đối với khoản khoản chi lương 01 giám đốc là 163.575.000 đồng, lương 01 kế toán 114.705.000 đồng, lương 01 kỹ thuật là 94.485.000 đồng, xét thấy: Sau khi ký kết hợp đồng xây dựng số 06/2021/-HĐ-TCXD ngày 20/12/2021 thì dự án

chưa được bàn giao mặt bằng để khởi công, đến ngày 08/8/2022 Cục thuế tỉnh L đã thông báo tạm dừng dự án, còn Thông báo số 373/CT-VP ngày 24/3/2023 chỉ là thông báo để nhà thầu thực hiện thanh quyết toán Hợp đồng. Đồng thời đối với 01 giám đốc là ông Đỗ Minh H, 01 kế toán là bà Hoàng Thị L, 01 kỹ thuật là ông Đinh Quốc Đ đều là nhân viên của Công ty D, những người này vẫn hưởng lương theo bảng lương các chức danh mà Điều lệ Công ty D quy định, vẫn được quyết toán trong Báo cáo tài chính của Công ty D với cơ quan thuế. Trước và sau khi ký kết hợp đồng xây dựng số 06/2021/-HĐ-TCXD những người này vẫn hưởng mức lương như trên tại Công ty D. Phía Công ty D cho rằng, có phân công nhiệm vụ riêng để những người này chỉ thực hiện công việc tại Dự án xây dựng công trình trụ sở Chi cục thuế C nhưng ngoài lời trình bày cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh. Tại phiên tòa, phía Công ty D cũng không thể tách các khoản chi nào là chi lương cho ba người này của Công ty D, khoản lương nào là chi phục vụ dự án theo hợp đồng đã ký kết. Do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền này của nguyên đơn.

[6] Không chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty cổ phần xây dựng và thương mại D về việc buộc Thuế tỉnh L phải thanh toán đối với các khoản phí chứng thực hồ sơ dự thầu 380.000 đồng, phí thu xếp tín dụng 1.000.000 đồng, phí bảo lãnh dự thầu 3.900.000 đồng, phí chứng thực hồ sơ dự thầu 820.000 đồng, mua USB dự thầu 480.000, phô tô Hồ sơ dự thầu 2.500.000, mua hồ sơ dự thầu 2.000.000 đồng, tổng cộng là 11.080.000đ vì đây chi phí nhà thầu bắt buộc phải bỏ ra để thực hiện theo quy định của hồ sơ mời thầu, trường hợp nhà thầu không trúng thầu hoặc trúng thầu thì khoản chi này không có cơ quan nhà nước nào hoàn trả lại. Tòa án không chấp nhận là có căn cứ.

[7] Không chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty D về việc buộc Thuế tỉnh L phải trả chi phí lợi ích mà lẽ ra nhà thầu được hưởng của hợp đồng mang lại là 5,5% dựa trên tổng giá trị hợp đồng 20.852.994.000 đồng là 1.146.941.670 đồng vì thực tế công trình chưa được bàn giao mặt bằng, cũng chưa có thiệt hại về thực tế xảy ra về lợi ích do công trình xây dựng đem lại nên không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất. Tòa án không chấp nhận là có căn cứ.

[8] Đối với nội dung tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn có rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền chi lương từ 576.000.000đ (24 tháng) xuống còn 372.765.000đ (15 tháng), số tiền nguyên đơn rút là 203.235.000đ nhưng Bản án sơ thẩm không nhận định và quyết định đình chỉ đối với số tiền nguyên đơn đã rút là có thiếu sót.

[9] Từ những phân tích đánh giá nêu trên, thấy rằng có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm 06/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lạng Sơn.

[10] Xét đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, đề nghị nào phù hợp với nhận định trên thì được chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần xây dựng và thương mại D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu không được chấp nhận với số tiền là 1.530.786.670 đồng; Cục thuế tỉnh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ phải thanh toán số tiền 191.078.213 đồng.

[12] Về án phí phúc thẩm: Do sửa Bản án nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Thuế tỉnh L.

Sửa Bản án dân sự số 06/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn.

I. Áp dụng Điều 218; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần xây dựng và thương mại D đối với số tiền chi lương 09 tháng của 01 giám đốc, 01 kế toán, 01 nhân viên kỹ thuật, tổng số tiền nguyên đơn rút là 203.235.000đ. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

II. Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147 và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 422; Điều 427 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 107 và Điều 145 Luật xây dựng năm 2014 (sửa đổi bổ sung năm 2020); Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần xây dựng và thương mại D

2. Xác định Hợp đồng xây dựng số 06/2021-HĐ-TCXD ký ngày 20-12-2021 giữa Cục thuế tỉnh L và Liên Danh Công ty cổ phần xây dựng và thương mại D và Công ty TNHH MTV Thái S.ĐL chấm dứt do nguyên nhân khách quan các bên không có lỗi dẫn đến việc hợp đồng không tiếp tục thực hiện.

3. Buộc Thuế tỉnh L phải thanh toán cho Công ty cổ phần xây dựng và thương mại D tổng số tiền 191.078.213 đồng, bao gồm các khoản chi phí sau: Chi phí thực hiện bảo lãnh hợp đồng lần 1 mất phí 14.700.000 đồng, lần 2 mất phí 5.400.000 đồng; phí bảo lãnh tiền tạm ứng hợp đồng lần 1 là 61.500.000 đồng, lần 2 là 43.791.285 đồng, lần 3 là 65.686.928 đồng.

Kể từ ngày bên yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

4. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần xây dựng và thương mại D về việc buộc Thuế tỉnh L phải thanh toán tổng số tiền là 1.530.786.670 đồng, bao gồm các khoản phí chứng thực hồ sơ dự thầu 380.000 đồng, phí thu xếp tin dụng 1.000.000 đồng, phí bảo lãnh dự thầu 3.900.000 đồng, phí chứng thực hồ sơ dự thầu 820.000 đồng, mua USB dự thầu 480.000, phôi Hồ sơ dự thầu 2.500.000, mua hồ sơ dự thầu 2.000.000 đồng; khoản chi lương 01 giám đốc là 163.575.000 đồng, lương 01 kế toán 114.705.000 đồng, lương 01 kỹ thuật là 94.485.000 đồng và chi phí lợi ích mà lẽ ra nhà thầu được hưởng của hợp đồng mang lại là 5,5% dựa trên tổng giá trị hợp đồng 20.852.994.000 đồng là 1.146.941.670 đồng.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty cổ phần xây dựng và thương mại D phải chịu số tiền 57.923.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước. Công ty cổ phần xây dựng và thương mại D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 17.563.964 đồng theo biên lai thu số 0001010, ngày 05/6/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ Công ty cổ phần xây dựng và thương mại D phải nộp tiếp số tiền 40.359.636 đồng để sung ngân sách Nhà Nước.

Thuế tỉnh L phải chịu 9.553.910 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà Nước.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Thuế tỉnh L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp cho Thuế tỉnh L theo Biên lai thu tiền số 0000667, ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND phúc thẩm tại Hà Nội;
- VKSND phúc thẩm tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND khu vực 1 Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phùng Đức Chính

